

Số: /BC-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

Thực hiện Công văn số 581/BNV-CCHC ngày 21/02/2022 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính (CCHC) định kỳ, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang báo cáo kết quả công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

Tỉnh Bắc Giang luôn xác định CCHC giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo đó, tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo để tổ chức thực hiện có hiệu quả¹, thường xuyên chỉ đạo đồng bộ, thông suốt, toàn diện đối với 06 nội dung CCHC từ cấp tỉnh đến cơ sở và lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

Kết quả đánh giá các Chỉ số tỉnh Bắc Giang năm 2023: Chỉ số CCHC (PAR Index) đạt 91,16/100 điểm, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố, xếp thứ 01 trong 14 tỉnh miền núi phía Bắc (tăng 2,62 điểm, giữ nguyên hạng so với năm 2022); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đạt 44,32 điểm, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố và nằm trong nhóm “Cao nhất” của cả nước; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Bắc Giang đạt 81,62%, xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố (tăng 06 bậc so với năm 2022); Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt 69,75 điểm, xếp thứ 4/63 tỉnh, thành phố. Ngay sau khi Trung ương công bố kết quả, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch duy trì, cải thiện Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Bắc Giang năm 2024². Chuẩn bị tổ chức Hội nghị phân tích các Chỉ số PCI, PAR Index, SIPAS, PAPI năm 2023 và giải pháp nâng cao các chỉ số năm 2024.

¹ Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 08/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) và cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 21/01/2024 về tuyên truyền CCHC nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2024 thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ; Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 29/01/2024 thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP; đồng thời, hoàn thành giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh - tế xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch vốn đầu tư công 2024... đảm bảo theo quy định.

² Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 03/5/2024

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Chủ tịch UBND tỉnh đã chủ trì 02 hội nghị đối thoại: Hội nghị “Gặp mặt, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp tỉnh Bắc Giang” và Hội nghị “Gặp gỡ, đối thoại với công nhân lao động”. Qua đó nhằm kịp thời nắm bắt và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, người lao động trên địa bàn tỉnh.

Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh phối hợp với các cơ quan, địa phương lựa chọn nội dung tiêu biểu về CCHC để tuyên truyền. Báo chí Trung ương quan tâm, theo dõi, phản ánh về công tác CCHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang³.

Nhằm đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023 tại địa phương, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định⁴ phê duyệt và công bố Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2023; UBND các huyện, thành phố đã thực hiện đánh giá và công bố kết quả công tác CCHC năm 2023 của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn.

Tổ kiểm tra công vụ đã ban hành Kế hoạch tổ chức, thực hiện các biện pháp về chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ công vụ năm 2024⁵. Từ đầu năm đến nay, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đột xuất tại 19 cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh⁶. Qua kiểm tra, các cơ quan, đơn vị, địa phương cơ bản thực hiện tốt quy chế văn hóa công sở; Tổ kiểm tra đã nhắc nhở kịp thời, yêu cầu người đứng đầu cơ quan, đơn vị có biện pháp khắc phục ngay một số tồn tại, hạn chế được phát hiện.

Công tác kiểm tra CCHC: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ CCHC Nhà nước, thực hiện ISO, chuyển đổi số năm 2024⁷, từ đầu năm đến nay, đã thực hiện kiểm tra tại 5/10 cơ quan, địa phương⁸ (đạt 50% Kế hoạch).

³ Một số tin, bài tiêu biểu: Xây dựng chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ; Bắc Giang giảm 17 đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp; Bắc Giang: Tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm ngay từ đầu năm; Bắc Giang: Hoàn thành các đề án vị trí việc làm trong tháng 3/2024; Xây dựng, triển khai chuyển đổi số năm 2024; Tập trung sắp xếp đơn vị hành chính; Bắc Giang tập trung cho việc số hóa dữ liệu; Chiến lược thu hút FDI thành công của Bắc Giang: 1 không, 2 ít, 3 cao và 5 sẵn sàng; Tân Yên: Triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm 2024 với phương châm “3 dám”, “3 hơn”, “5 rõ”; Tốc độ tăng trưởng kinh tế Bắc Giang dẫn đầu cả nước trong năm 2023; Bắc Giang: Huyện Việt Yên lên thị xã trước kế hoạch gần 1 năm; Bắc Giang vươn lên vị trí thứ 4 về thu hút FDI trên cả nước; Hội nghị công bố đơn vị đạt chuẩn chính quyền thân thiện năm 2023 tại Bắc Giang; Xây dựng TP Bắc Giang phát triển nhanh, bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh; Bắc Giang: Bí quyết của sự tăng trưởng; Hải quan Bắc Giang: Chủ động nắm bắt, kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho doanh nghiệp; Bắc Giang: Huyện Việt Yên bút phá, dẫn đầu Chỉ số CCHC; Bắc Giang: 34 dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy; Bắc Giang: Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh từ thực chất; Phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; Triển khai dịch vụ đăng ký đặt hẹn trực tuyến tại Bộ phận Một cửa của huyện Tân Yên; Bắc Giang: Nâng cao chất lượng chính quyền thân thiện xã, phường, thị trấn; Thi đua cao điểm đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu hộ tịch ...

⁴ Quyết định số 2043/QĐ-UBND ngày 26/12/2023; Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 28/12/2023

⁵ Kế hoạch số 12/KH-TKTCV ngày 18/01/2024

⁶ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài nguyên & Môi trường; Trạm y tế xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa; Thanh tra huyện Yên Thế; UBND phường Trần Phú, TP. Bắc Giang; Phòng Nội vụ huyện Hiệp Hòa; UBND xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa; UBND xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng, UBND xã Thái Đào, huyện Lạng Giang; UBND xã Phương Sơn, huyện Lục Nam; UBND xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên; UBND xã Quang Tiến, UBND xã Đại Hóa huyện Tân Yên; Phòng Nội vụ huyện Tân Yên; UBND xã Tân Hiệp, UBND thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện Việt Yên; UBND huyện Hiệp Hòa; UBND huyện Yên Thế

⁷ Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 26/3/2024

- Triển khai đăng ký sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC năm 2024. Qua tổng hợp, có 107 sáng kiến, giải pháp mới trong công tác CCHC được các cơ quan, địa phương đăng ký thực hiện năm 2024.

Triển khai mô hình “Chính quyền thân thiện”, Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận 76 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn chính quyền thân thiện năm 2023, gồm: 35 đơn vị đạt 1 sao, 30 đơn vị đạt 2 sao, 11 đơn vị đạt 3 sao⁹.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: từ đầu năm đến nay, tỉnh Bắc Giang được giao 89 nhiệm vụ trên hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ. Trong đó, có 31 nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn, 58 nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) thường xuyên được chú trọng, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị¹⁰ của Chủ tịch UBND tỉnh về nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL và tăng cường hiệu quả thi hành pháp luật (THPL) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Trong 6 tháng đầu năm 2024, HĐND tỉnh ban hành 04 Nghị quyết, UBND tỉnh ban hành 11 Quyết định, UBND cấp huyện ban hành 21 Quyết định đảm bảo đúng quy trình của pháp luật. UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ 23 Quyết định của UBND tỉnh. HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ 12 Nghị quyết của HĐND tỉnh. Thường xuyên cập nhật các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật.

Các sở đã xây dựng, gửi Sở Tư pháp tham gia ý kiến 131 lượt dự thảo văn bản, thẩm định 19 dự thảo VBQPPL và 03 đề nghị xây dựng Nghị quyết, hoàn thiện 09 dự thảo VBQPPL. Các VBQPPL được xây dựng và ban hành đúng quy định về quy trình, thủ tục, thẩm quyền, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL tiếp tục được quan tâm thực hiện. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023¹¹; Quyết định công bố Danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2023¹²; Kế hoạch kiểm tra văn bản và công tác pháp chế năm 2024¹³; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản của HĐND, UBND cấp huyện năm 2024. Đã thực hiện kiểm tra công tác văn bản do HĐND, UBND thành phố Bắc Giang và huyện Yên Thế ban hành; kiểm tra văn bản theo thẩm quyền trong lĩnh vực thanh tra.

⁸ Huyện Lục Nam, thị xã Việt Yên, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông
⁹ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 về việc công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn “chính quyền thân thiện” năm 2023

¹⁰ Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 31/12/2020

¹¹ Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/02/2024

¹² Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 16/01/2024

¹³ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 29/12/2023

Công tác theo dõi thi hành pháp luật (THPL): Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹⁴ thực hiện công tác theo dõi THPL trên địa bàn tỉnh năm 2024; Kế hoạch theo dõi THPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn tỉnh năm 2024. Tổ chức theo dõi tình hình THPL trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ theo dõi THPL cho đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện, tham mưu công tác này trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL): Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024¹⁵; Kế hoạch tuyên truyền, PBGDPL về phòng, chống tham nhũng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang¹⁶. Tổ chức hội nghị trực tuyến phổ biến, quán triệt Luật Đất đai năm 2024, Luật Căn cước năm 2023. Tổ chức 06 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 6 và kỳ họp bất thường lần thứ 5; quy định pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải tại 06 huyện: Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên, Hiệp Hòa, thị xã Việt Yên và thành phố Bắc Giang.

2. Cải cách TTHC

Trong 6 tháng đầu năm 2024, các sở, ngành đã rà soát, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 57 Quyết định công bố Danh mục TTHC, thuộc các lĩnh vực: Giao thông vận tải¹⁷; Lao động – Thương binh và Xã hội¹⁸; Nội vụ¹⁹; Tài chính²⁰; Khoa học và Công nghệ²¹; Tư pháp²²; Y tế²³; Văn hóa – Thể thao và Du lịch²⁴; Giáo dục và Đào tạo²⁵; Công thương²⁶; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn²⁷; Ban Dân tộc²⁸; Thông tin và Truyền thông²⁹. Các TTHC được cập nhật,

¹⁴ Kế hoạch số 217/KH-UBND ngày 29/12/2023

¹⁵ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 13/01/2024

¹⁶ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 07/02/2024

¹⁷ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 10/3/2024; Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 30/3/2024; Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 16/4/2024; Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 23/5/2024

¹⁸ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 28/12/2023; Quyết định số 2111/QĐ-UBND ngày 29/12/2023; Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 07/3/2024; Quyết định số 666/QĐ-UBND ngày 08/4/2024

¹⁹ Quyết định số 218/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 26/01/2024; Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 26/01/2024

²⁰ Quyết định số 438/QĐ-UBND ngày 07/3/2024

²¹ Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 05/3/2024; Quyết định số 547/QĐ-UBND ngày 26/6/2024

²² Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 28/02/2024; Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 29/5/2024; Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; Quyết định số 897/QĐ-UBND ngày 30/5/2024; Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 31/5/2024

²³ Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 25/12/2023; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 22/02/2024; Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 27/3/2024; Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 08/4/2024; Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 06/6/2024

²⁴ Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 25/12/2023; Quyết định số 2115/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 2117/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 2118/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 2119/QĐ-UBND ngày 31/12/2023; Quyết định số 320/QĐ-UBND ngày 15/02/2024; Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 21/01/2024; Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08/01/2024; Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 05/4/2024; Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 14/4/2024; Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 04/5/2024

²⁵ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 22/01/2024; Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10/01/2024; Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 24/4/2024

²⁶ Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 18/01/2024; Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 03/4/2024; Quyết định số 703/QĐ-UBND ngày 16/4/2024; Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 27/5/2024; Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 11/6/2024; Quyết định số 948/QĐ-UBND ngày 11/6/2024;

²⁷ Quyết định số 1984/QĐ-UBND ngày 19/12/2023; Quyết định số 1998/QĐ-UBND ngày 20/12/2023; Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/01/2024; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2024; Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày

công khai kịp thời trên Cổng DVC Quốc gia, Cổng DVC của tỉnh, Cổng thông tin điện tử (TTĐT) của các cơ quan, địa phương.

Ban hành Quyết định công bố TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh trong các lĩnh vực: thư viện³⁰, khoa học và công nghệ³¹, khoáng sản³², thủ công mỹ nghệ³³, giao thông vận tải³⁴, cụm công nghiệp³⁵, xét tặng danh hiệu văn hóa³⁶, lâm nghiệp³⁷, Văn hóa, Thể thao và Du lịch³⁸, Tài chính³⁹, Phát triển nông thôn⁴⁰.

Thường xuyên chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp⁴¹; thường xuyên cập nhật, niêm yết công khai các TTHC mới ban hành, thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC của các cấp, các ngành không để xảy ra tình trạng gây khó khăn, phiền hà, cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC. Việc thực hiện mô hình *Chính quyền thân thiện* tại cấp xã giúp nâng cao chất lượng phục vụ của cơ quan nhà nước và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC theo Kế hoạch⁴² của tỉnh. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố Danh mục thành phần hồ sơ TTHC phải số hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁴³ theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ. Đã thực hiện số hóa 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực, có sử dụng lại dữ liệu thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh.

Ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang năm 2024⁴⁴. Tiếp tục triển khai thực hiện Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14/11/2023 của Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh phân cấp TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ⁴⁵.

Qua tổng hợp số liệu công khai trên Cổng DVC tỉnh, kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh Bắc Giang 6 tháng đầu năm 2024 như sau:

- Cấp tỉnh: tiếp nhận 120.524 hồ sơ; đã giải quyết 114.619 hồ sơ, trong đó giải quyết trước và đúng hạn 114.284 hồ sơ (tỷ lệ 99.71%).

17/3/2024; Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 28/4/2024; Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 04/5/2024; Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 04/5/2024

²⁸ Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 12/01/2024

²⁹ Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 16/4/2024

³⁰ Quyết định số 850/QĐ-UBND ngày 22/5/2024

³¹ Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 16/5/2024

³² Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 04/5/2024

³³ Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 28/5/2024

³⁴ Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 18/4/2024

³⁵ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 17/4/2024

³⁶ Quyết định số 317/QĐ-UBND ngày 08/02/2024

³⁷ Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 17/01/2024

³⁸ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/01/2024

³⁹ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 02/01/2024

⁴⁰ Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 25/12/2023

⁴¹ Công văn số 1942/UBND-NC ngày 17/4/2024

⁴² Kế hoạch số 1677/KH-UBND ngày 22/4/2021 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

⁴³ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 27/3/2024

⁴⁴ Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh

⁴⁵ Công văn số 1802/UBND-NC ngày 09/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ

- Cấp huyện: tiếp nhận 44.715 hồ sơ; đã giải quyết 41.460 hồ sơ, trong đó giải quyết đã giải quyết trước và đúng hạn 40.924 hồ sơ (tỷ lệ 98.71%).

- Cấp xã: tiếp nhận 119.288 hồ sơ; đã giải quyết 118.291 hồ sơ, trong đó giải quyết đã giải quyết trước và đúng hạn 116.927 hồ sơ (tỷ lệ 98.85%).

Tiếp nhận, xử lý kịp thời có hiệu quả các phản ánh, kiến nghị (PAKN) của doanh nghiệp, người dân về những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện quy định, TTHC. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Bắc Giang đã tiếp nhận 24 PAKN của người dân liên quan đến quy định, TTHC; các PAKN đã được xem xét, xử lý xong đảm bảo theo quy định và công khai kết quả xử lý trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ; hướng dẫn rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan thuộc UBND tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Ban Dân tộc, Sở Ngoại vụ; tổ chức lại Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế; tổ chức lại một số khoa thuộc Trường Cao đẳng Ngô Gia Tự Bắc Giang

- Kết quả sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC): Triển khai thực hiện Nghị quyết số 938/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; chuyển thôn thành tổ dân phố trên địa bàn các phường thuộc thị xã Việt Yên⁴⁶; Hướng dẫn thị xã Việt Yên hoàn thiện hồ sơ đề nghị phân loại ĐVHC cấp huyện. Đang triển khai xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã (*trong đó sắp xếp 32 đơn vị hành chính cấp xã (ở 7 đơn vị cấp huyện) để thành lập 15 đơn vị hành chính cấp xã mới, giảm 17 đơn vị*); Đề án nhập địa giới hành chính huyện Yên Dũng với thành phố Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Giang; đề án sắp xếp, điều chỉnh lại địa giới hành chính huyện Lục Ngạn và huyện Sơn Động để thành lập thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn (mới). Tổ chức lấy ý kiến cử tri vào ngày 21/4/2024, kết quả 100% ĐVHC cấp xã được lấy ý kiến đều đạt tỷ lệ cao trên 90% cử tri đồng ý, cá biệt có đơn vị 100% cử tri đồng ý, đảm bảo điều kiện để thực hiện quy trình các bước tiếp theo về sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo quy định. Hoàn thiện dự thảo các Đề án sắp xếp ĐVHC cấp huyện, cấp xã trình Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương: xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh.

⁴⁶ Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 15/01/2024

- Thực hiện xếp loại người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2023; xem xét, quyết định giao nhiệm vụ trọng tâm; chấp thuận nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị năm 2024; ban hành văn bản đánh giá trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành nhiệm vụ, công vụ năm 2024.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức tại cơ quan, địa phương: UBND tỉnh đã thực hiện giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 đảm bảo theo quy định; quyết định giao bổ sung biên chế giáo viên và điều chỉnh số lượng lao động hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ; giao chỉ tiêu hợp đồng lao động giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh năm 2024; điều chỉnh biên chế công chức ở một số cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh.

- Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp ủy quyền giải quyết TTHC. Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã thực hiện ủy quyền một số nội dung thuộc lĩnh vực lao động⁴⁷, nội vụ⁴⁸, tư pháp⁴⁹, ngoại vụ⁵⁰.

- Về tinh giản biên chế: Trong 6 tháng đầu năm 2024, thực hiện tinh giản biên chế đối với 57 trường hợp, trong đó: 45 trường hợp theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP; 12 trường hợp theo Nghị quyết số 46/2019/NQ-HĐND.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm (VTVL) của công chức, viên chức: Tổ chức Hội nghị hướng dẫn xây dựng Đề án VTVL cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; đôn đốc, hướng dẫn xây dựng Đề án VTVL cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; phê duyệt đề án VTVL công chức, đề án VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, địa phương, đơn vị.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức: Triển khai Kế hoạch⁵¹ tuyển dụng viên chức y tế năm 2023, kết quả tuyển dụng được 241 người. Thẩm định số lượng, cơ cấu, chỉ tiêu tuyển dụng giáo viên, giảng viên, viên chức hành chính, viên chức y tế năm 2024.

- Thực hiện chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch thanh tra viên đối với 01 trường hợp, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch thanh tra viên chính đối với 06 trường hợp; miễn nhiệm thanh tra viên chính đối với 01 trường hợp do thay đổi vị trí việc làm. Tiếp tục rà soát hồ sơ bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của các cơ quan, địa phương.

⁴⁷ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định thực hiện chế độ mai táng phí cho đối tượng theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 19/12/2003 ủy quyền thực hiện chế độ mai táng phí cho đối tượng là người có công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

⁴⁸ Quyết định số 212/QĐ-UBND ngày 28/01/2024; Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 28/01/2024

⁴⁹ Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 24/01/2024

⁵⁰ Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 03/01/2024; Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 11/01/2024

⁵¹ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 20/12/2023

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Bắc Giang năm 2024⁵², Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo viên chức ngành y tế năm 2024⁵³. Trong 6 tháng đầu năm, tổ chức 10 lớp bồi dưỡng (850 học viên), trong đó: 04 lớp bồi dưỡng kiến thức về tài chính cho kế toán trường học; 03 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hành chính, văn phòng năm 2024. Phối hợp với trường chính trị tổ chức bồi dưỡng 03 lớp: 01 lớp bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, 02 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức xã.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao: Thực hiện thu NSNN trên địa bàn tỉnh đến ngày 04/6/2024: 8.317,4 tỷ đồng, đạt 51,8% dự toán năm, bằng 121,9% so cùng kỳ. Trong đó: thu nội địa 7.391,2 tỷ đồng, đạt 51,4% dự toán tỉnh giao, bằng 120,0% so cùng kỳ. Trừ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế thì thu nội địa là 5.389,5 tỷ đồng, đạt 69,7% dự toán tỉnh giao, bằng 121,3% so cùng kỳ. Thu thuế xuất nhập khẩu 926,2 tỷ đồng, đạt 54,5% dự toán năm và bằng 140,2% so với cùng kỳ.

+ Thực hiện chi NSDP đến ngày 04/6/2024: 9.675,1 tỷ đồng, đạt 43,5% dự toán. Trong đó: chi đầu tư phát triển 5.148,4 tỷ đồng, đạt 61,9% dự toán; chi thường xuyên 4.517,3 tỷ đồng, đạt 35,7% dự toán. Nhập dự toán chi năm 2024 vào cấp 0 trên hệ thống TABMIS; hướng dẫn các đơn vị dự toán ngân sách cấp tỉnh, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2024. Giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quyết định của UBND tỉnh.

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 do Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao là: 8.285 tỷ đồng. Tổng số vốn giải ngân ước đến hết 30/6/2024 đạt 2.003 tỷ đồng, đạt 24,2% kế hoạch vốn TTCP giao.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất là trụ sở làm việc cũ của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang; điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất của đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế, Trường Cao đẳng Công nghệ Việt – Hàn, UBND huyện Tân Yên, UBND huyện Sơn Động, UBND thành phố Bắc Giang. Hướng dẫn mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung năm 2024 theo Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 05/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Danh mục tài sản mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các nghị định thực hiện đổi mới cơ

⁵² Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 03/12/2023

⁵³ Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 25/3/2024

chế tài chính hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập: Đến nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo nghị định của Chính phủ trên địa bàn tỉnh là 864/864 đơn vị, đạt 100%, trong đó:

- + Đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư: Không.
- + Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 50 đơn vị.
- + Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 402 đơn vị.
- + Đơn vị nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 412 đơn vị.

UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 đối với các loại tài nguyên khai thác trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁵⁴. Tổ chức tập huấn công tác thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần cho các sở, cơ quan, thành phố Bắc Giang, đơn vị sự nghiệp liên quan và các doanh nghiệp thuộc đối tượng thoái vốn giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành: Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024⁵⁵; Kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang năm 2024⁵⁶; Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo⁵⁷; phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đối với Hệ thống “Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) tỉnh Bắc Giang”⁵⁸; công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện không sử dụng hồ sơ giấy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang⁵⁹; ban hành Danh mục dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang năm 2024⁶⁰.

- Về hạ tầng công nghệ thông tin: Tiếp tục duy trì, quản trị, vận hành và hỗ trợ các đơn vị khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung tại Trung tâm THDL tỉnh⁶¹; tiếp tục duy trì, thuê đường truyền số liệu chuyên dùng của VNPT kết nối từ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đến 10 huyện, thành phố, thị xã, 209 xã, phường thị trấn và 10 Văn phòng quản lý đất đai các huyện, thành phố, thị xã; thuê đường truyền mạng WAN kết nối các sở, ngành thuộc UBND tỉnh đảm bảo vận hành các ứng dụng dùng chung hiện có của tỉnh Bắc Giang. Hệ thống hợp trực tuyến từ tỉnh đến xã hoạt động ổn định,

⁵⁴ Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 01/3/2024

⁵⁵ Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 11/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁵⁶ Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh

⁵⁷ Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 04/3/2024 của UBND tỉnh

⁵⁸ Quyết định số 896/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁵⁹ Quyết định số 2034/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁶⁰ Quyết định số 919/QĐ-UBND ngày 04/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh

⁶¹ Gồm: (1) Hệ thống giải quyết TTHC tỉnh; (2) Hệ thống thông tin báo cáo; (3) Hệ thống QLVB&ĐHCV; (4) Hệ thống Công TTĐT; (5) Hệ thống thư công vụ; (6) Hệ thống ký số; (7) Hệ thống Truyền hình hội nghị.

phục vụ 72 cuộc họp. Duy trì kết nối 1.092 camera về Trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu của tỉnh. Tiếp tục triển khai dự án Xây dựng Trung tâm dữ liệu chuyên đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025.

- Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang đã đầu tư xây dựng đáp ứng theo kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh (*phiên bản 2.0*) và các quy định, yêu cầu của Bộ TTTT⁶². Qua 02 giai đoạn đầu tư (giai đoạn 1 năm 2022 và hoàn thành giai đoạn 2 năm 2023). Hiện tại, Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang được đầu tư hoàn thiện với 02 nền tảng chính: Nền tảng tích hợp (thực hiện tích hợp động thông qua API, tích hợp thông qua Agent, tích hợp dữ liệu từ các file Template Excel), lưu trữ và làm sạch dữ liệu và nền tảng tổng hợp, phân tích, khai phá dữ liệu; với việc hình thành được Hồ dữ liệu (Data lake) và kho dữ liệu dùng chung, kết hợp nền tảng tổng hợp, phân tích và xử lý dữ liệu, Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang hiện đã tích hợp, lưu trữ 39 danh mục dữ liệu dùng chung, 92 danh mục dữ liệu mở, phục vụ chia sẻ, khai thác sử dụng dùng chung cho các cơ quan nhà nước tỉnh và là nguồn dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh (thực hiện chia sẻ dữ liệu động thông qua API).

Nền tảng, tích hợp chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) đã kết nối đến Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) với 13 dịch vụ⁶³ đến các bộ, ngành Trung ương, kết nối nội tỉnh thông qua LGSP 02⁶⁴ dịch vụ. Sở Thông tin và Truyền thông thường xuyên hỗ trợ các cấp, các ngành duy trì, vận hành các hệ thống thông tin để kết nối, liên thông dữ liệu đến các bộ, ngành Trung ương và tiếp tục khảo sát, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Bắc Giang (LGSP)". Hệ thống quản trị thực thi tỉnh Bắc Giang đang triển khai xây dựng.

Cổng dữ liệu mở tỉnh Bắc Giang (Open Data) được phát triển cung cấp 94 danh mục theo quyết định của tỉnh. Cổng hạ tầng không gian đô thị (SDI) của tỉnh xây dựng nhằm thúc đẩy tiến trình xây dựng phát triển đô thị thông minh; Sở đã tập huấn, hướng dẫn các ngành, địa phương cập nhật dữ liệu sạch, sống, đủ trên Cổng.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh được phát triển trên cơ sở hợp nhất hệ thống thông tin Một cửa điện tử và Cổng dịch vụ công. Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã bổ sung các phân hệ chức năng⁶⁵ phục vụ đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Sở Thông

⁶² Kho dữ liệu số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1 (đầu từ năm 2022) sử dụng cơ chế tích hợp dữ liệu qua Agent đối với phần mềm chưa sẵn sàng cung cấp dữ liệu qua API và thực hiện tích hợp dữ liệu qua API đối với các phần mềm sẵn sàng cung cấp.

⁶³ gồm: (1) Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; (2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (3) Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm; (4) Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật; (5) Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến; (6) Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch; (7) Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách; (8) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam; (9) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (10) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá; (11) Cơ sở dữ liệu của Bộ Xây dựng; (12) Cơ sở dữ liệu Bộ GTVT; (13) Cơ sở dữ liệu Bộ Tài nguyên và Môi trường.

⁶⁴ gồm: (1) Hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc; (2) Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

⁶⁵ Gồm các phân hệ: Quản lý kho dữ liệu hồ sơ TTHC và dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân; tiếp nhận, xử lý, trả kết quả giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính; tích hợp với phần mềm nghiệp vụ đất đai

tin và Truyền thông đang tiếp tục nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh. Hệ thống trợ lý ảo hỗ trợ người dùng bộ câu hỏi, câu trả lời phục vụ người dân thực hiện TTHC, tích hợp trên App Dịch vụ Công và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

Hệ thống Thông tin phản ánh hiện trường Bacgiang-C đã hoạt động ổn định, hiệu quả, là kênh tương tác hữu ích giữa người dân, doanh nghiệp với Chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh. Đến thời điểm hiện tại đã tạo lập 13.196 tài khoản⁶⁶, có 334 phản án được các sở, ngành, địa phương tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống.

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc 25/25 dịch vụ công thiết yếu được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia để phục vụ các nhu cầu giao dịch của người dân và doanh nghiệp. Bộ phận Một cửa các cấp tăng cường hướng dẫn người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến nhằm nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến; thực hiện tốt công tác giám sát, theo dõi, đôn đốc việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC của các cấp, các ngành.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Trong 6 tháng đầu năm 2024, công tác CCHC tiếp tục được Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả với tinh thần “3 dám”, “3 hơn”, “5 rõ” theo Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. HĐND tỉnh tổ chức các kỳ họp chuyên đề nhằm thảo luận, ban hành nghị quyết tạo cơ sở pháp lý để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. Các văn bản chỉ đạo, điều hành được ban hành đầy đủ, kịp thời, tạo điều kiện các cơ quan, địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả công tác CCHC. Lãnh đạo các cơ quan, địa phương tích cực, chủ động trong việc đẩy mạnh thực hiện CCHC, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện CCHC.

Những kết quả đạt được trong công tác CCHC đã từng bước xây dựng nền hành chính tỉnh Bắc Giang ngày càng hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ, chất lượng điều hành của cơ quan hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, góp phần giữ vững sự ổn định kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tốc độ tăng trưởng (GRDP) ước đạt 14,14%, tiếp tục dẫn đầu cả nước. Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp: 05 tháng thu hút được trên 1.118,8 triệu USD, tăng 7,6% so với cùng kỳ (Trong đó: Cấp mới 14 dự án đầu tư trong nước, vốn đăng ký 9.353,9 tỷ đồng, gấp gần 21 lần cùng kỳ; điều chỉnh 8 dự án trong nước, vốn đăng ký tăng thêm 1.799,1 tỷ đồng, gấp 5,2 lần; cấp mới 25 dự án FDI, vốn đăng ký 197,29 triệu USD, bằng xấp xỉ 21%; điều chỉnh 24 dự án FDI, tổng vốn tăng thêm là 475,37 triệu USD, gấp 9,1 lần cùng kỳ). Có

⁶⁶ Trong đó: 10.712 tài khoản công dân, 2.484 tài khoản của cán bộ tiếp nhận, xử lý

706 doanh nghiệp được thành lập mới, tăng 4,2% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 5.931 tỷ đồng.

2. Tồn tại, hạn chế

Việc trả kết quả xác minh thông tin Lý lịch tư pháp để cấp Phiếu Lý lịch tư pháp của Trung tâm Lý lịch tư pháp Quốc gia còn chậm so với quy định làm ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết TTHC này. TTHC cấp phiếu Lý lịch tư pháp thời gian giải quyết là ngày làm việc, tuy nhiên trên Cổng dịch vụ công quốc gia cấu hình thời gian giải quyết là ngày thường (bao gồm cả ngày nghỉ, lễ) dẫn đến tình trạng hồ sơ báo quá hạn trên Cổng dịch vụ công quốc gia, ảnh hưởng đến kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của tỉnh.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của tỉnh về công tác CCHC, như: Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2024, Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2024, Kế hoạch tuyên truyền về CCHC tỉnh Bắc Giang năm 2024, Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg tỉnh Bắc Giang năm 2024, Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Bắc Giang năm 2024.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thể chế; nâng cao chất lượng ban hành VBQPPL; tăng cường công tác rà soát, kiểm tra, hệ thống hoá VBQPPL, kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp.

3. Nâng cao chất lượng công tác cải cách TTHC, thường xuyên rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết, đơn giản hoá TTHC, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp khi giải quyết TTHC; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Công bố, công khai và cập nhật đầy đủ, kịp thời TTHC theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, đặc biệt là kiểm tra đột xuất việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo Kế hoạch đề ra.

4. Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách tổ chức bộ máy, thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách tinh giản biên chế, gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục thực hiện sắp xếp lại ĐVHC cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Xây dựng kế hoạch biên chế công chức hành chính và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2025. Quyết định xếp loại trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thi hành nhiệm vụ, công vụ năm 2024. Giao nhiệm vụ trọng tâm, chấp thuận nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị năm 2025.

5. Thực hiện tốt việc đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; công tác đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển,

chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm quy định về số lượng cấp phó trong cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định. Tiếp tục rà soát hồ sơ bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của các cơ quan, địa phương. Ban hành Kế hoạch và tổ chức tuyển dụng giáo viên, giảng viên, viên chức hành chính, viên chức y tế năm 2024. Tổ chức thi nâng ngạch công chức chuyên viên chính năm 2024.

6. Tập trung triển khai các nhiệm vụ xây dựng thành phố thông minh, chính quyền điện tử, chính quyền số; triển khai hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về CNTT, đảm bảo an toàn thông tin mạng và Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp.

7. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở về công tác CCHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, việc giải quyết TTHC trên môi trường mạng, qua Bru điện; các mô hình, sáng kiến, giải pháp, cách làm hay về CCHC.

Chủ tịch UBND tỉnh trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2024; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2024 của tỉnh Bắc Giang./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH; Công TTĐT tỉnh;
 - + Lưu: VT, NC-KSTT.Linh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Sơn

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	40	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%		
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	58	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	30	
3.	Kiểm tra CCHC			
	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	1	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	15	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	15	
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	Số lượng	2	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	100	
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	89	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	31	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1.820	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	36	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	15	
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	21	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	0	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	33	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	3	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	3	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	29	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	3	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	3	

Biểu mẫu 3**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	69	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	112	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	1.897	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.492	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	276	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	129	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	221	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	43	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,71	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	114.619	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	114.284	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,71	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	41.460	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	40.924	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,85	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	118.291	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	116.927	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	100	
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	24	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	24	

Biểu mẫu 4**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	2	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	857	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>06</i>	
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>113</i>	
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	<i>738</i>	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	18,77	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	1945	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1893	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các	Người	230	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Cơ quan, tổ chức hành chính			
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	19	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	18,04	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	31.934	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31.538	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	592	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	14,27	

Biểu mẫu 5**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	31	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	802	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	241	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển <i>(Lũy kế từ đầu năm)</i>	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	24,2	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	8.285	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	2.003	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	864	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	50	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	402	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	114	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	288	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	412	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số,</i>	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>			
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
5.3.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100	
6.	Cung cấp DVC trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
6.1.1	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	DVC	819	
6.1.2	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	DVC	819	
6.2	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	100	
6.2.1	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	DVC	565	
6.2.2	<i>Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến</i>	DVC	565	
6.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	96,4	
6.3.1	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình</i>	Hồ sơ	78.967	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	(gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)			
6.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	76.120	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	99,6	
6.4.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	188.134	
6.4.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	187.328	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	540	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	540	